

Số: 1028/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục Đại học thành viên ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/8/2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học chính quy được ban hành kèm theo thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên tại ĐHQG-HCM ban hành kèm theo quyết định số 964/QĐ-ĐHQG ngày 19/7/2019 của Giám đốc ĐHQG-HCM;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ HK1/2020-2021 và thay thế cho Quyết định số 1124/QĐ-KHTN-CTSV ngày 22/8/2016 về việc ban hành Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng các Khoa và sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Cao Vinh

QUY CHẾ

Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-KHTN ngày 04 tháng 9 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của các sinh viên đang trong thời gian đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM (sau đây gọi chung là sinh viên), bao gồm: Những quy định chung; Các tiêu chí đánh giá, thời gian và cách tính kết quả; Phân loại kết quả rèn luyện; Tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

Điều 2. Mục đích việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

Công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cơ sở đào tạo, nhằm góp phần giáo dục đạo đức, lối sống; xây dựng ý thức chủ động rèn luyện kiến thức, kỹ năng và thái độ; bồi dưỡng năng lực hoạt động xã hội; đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước; đảm bảo hoàn thành tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu xây dựng và phát triển của nhà trường.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy chế này; đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng, công khai.
2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, lấy sinh viên làm trung tâm, tôn trọng các quyền lợi của sinh viên trong quá trình đánh giá.
3. Tạo điều kiện, định hướng để sinh viên rèn luyện, chủ động xây dựng kế hoạch rèn luyện.
4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên
5. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị, các cấp có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.

Điều 4. Nội dung đánh giá, thang điểm và đợt đánh giá

1. Kết quả rèn luyện của mỗi sinh viên được đánh giá định lượng về ý thức, thái độ, hành động thông qua Điểm rèn luyện.
2. Nội dung đánh giá và mức Điểm rèn luyện tương ứng:
 - a) Tham gia học tập và nghiên cứu khoa học: cộng tối đa 30 điểm.
 - b) Chấp hành nội quy, quy chế và các quy định được áp dụng trong Nhà trường: cộng tối đa 20 điểm.
 - c) Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: cộng tối đa 25 điểm.
 - d) Hành động hướng đến xây dựng và phát triển cộng đồng: cộng tối đa 25 điểm.
 - e) Các nội dung khuyến khích: cộng tối đa 30 điểm.
 - f) Điểm trừ: không giới hạn.
3. Điểm rèn luyện tối đa trong một đợt đánh giá là 100 điểm, là tổng điểm đạt được của các nội dung tại Khoản 2 Điều này, được quy định chi tiết trong Chương II và Phụ lục kèm theo Quy chế này.
4. Trong trường hợp tổng điểm các nội dung đánh giá lớn hơn 100 điểm thì Điểm rèn luyện quy về điểm 100.
5. Mỗi đợt đánh giá tương ứng với 01 (một) học kỳ chính thức, được xác định từ thời điểm bắt đầu học kỳ này đến thời điểm bắt đầu học kỳ liền kề sau đó, không tính thời gian của học kỳ hè.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, THỜI GIAN VÀ CÁCH TÍNH KẾT QUẢ

Điều 5. Các tiêu chí đánh giá

1. Tham gia học tập và nghiên cứu khoa học:
 - a) Tiêu chí 1: Chấp hành các Quy chế, Quy định liên quan học vụ và khảo thí.
 - b) Tiêu chí 2: Có kết quả học tập tốt và sự tiến bộ của mỗi học kỳ.
 - c) Tiêu chí 3: Sự chủ động tham gia nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật ngoại khóa.
2. Chấp hành nội quy, quy chế và các quy định được áp dụng trong Nhà trường:
 - Tiêu chí 4: Chấp hành nội quy, quy chế và các quy định được áp dụng trong Nhà trường.

3. Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội:

a) Tiêu chí 5: Sự chủ động tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao.

b) Tiêu chí 6: Tham gia phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong nhà trường và nơi lưu trú.

c) Tiêu chí 7: Sự chủ động tham gia xây dựng, đóng góp, quảng bá hình ảnh của Nhà trường và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

4. Hành động hướng đến xây dựng và phát triển cộng đồng:

a) Tiêu chí 8: Chấp hành pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tiêu chí 9: Sự chủ động tham gia các hoạt động tình nguyện, hành động giải quyết vấn đề xã hội, các hoạt động chung của lớp, khoa và Nhà trường.

b) Tiêu chí 10: Tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.

5. Các nội dung khuyến khích:

a) Tiêu chí 11: Thành tích xuất sắc trong các kỳ thi, cuộc thi và rèn luyện.

b) Tiêu chí 12: Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống.

c) Tiêu chí 13: Các trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt.

Điều 6. Thời gian và cách tính kết quả

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ chính thức, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ chính của năm học đó.

3. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ chính của khóa học tính đến thời điểm sinh viên được công nhận hoàn tất chương trình đào tạo.

10/10
Đ
KH
TU

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 7. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: Xuất sắc, Tốt, Khá, Trung bình, Yếu và Kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại Xuất sắc.
- b) Từ 80 đến 89 điểm: loại Tốt.
- c) Từ 65 đến 79 điểm: loại Khá.
- d) Từ 50 đến 64 điểm: loại Trung bình.
- e) Từ 35 đến 49 điểm: loại Yếu.
- f) Dưới 35 điểm: loại Kém.

Điều 8. Phân loại sinh viên để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Khá.

2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Trung bình.

3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

6. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

7. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở đào tạo thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở đào tạo cũ khi học tại cơ sở đào tạo mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

8. Sinh viên tốt nghiệp trễ tiến độ nếu không vi phạm pháp luật và bị kỷ luật thì không áp dụng tính Điểm trừ trong học kỳ trễ tiến độ. Sinh viên đã hoàn tất chương trình đào tạo nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp thì không đánh giá kết quả rèn luyện.

9. Sinh viên khuyết tật hoặc mồ côi (cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ), hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương không có khả năng tham gia hoặc không đáp ứng yêu cầu chung các hoạt động rèn luyện thi được ưu tiên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 9. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Vào đầu mỗi năm học, Phòng Công tác Sinh viên xây dựng kế hoạch và phổ biến công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đến các Khoa, Đoàn thanh niên và Hội Sinh viên.

2. Trong mỗi học kỳ, sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Vào cuối mỗi tháng và cuối mỗi học kỳ, các Khoa, Đoàn thanh niên và Hội Sinh viên tiến hành cập nhật các thành tích của sinh viên, danh sách sinh viên tham gia các sự kiện, chương trình, hoạt động do đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức theo phương thức đã thống nhất với Phòng Công tác Sinh viên.

4. Phòng Công tác Sinh viên công bố kết quả rèn luyện dự kiến của học kỳ đánh giá qua hộp thư điện tử của sinh viên và tiếp nhận phản hồi, cập nhật minh chứng, đề nghị điều chỉnh trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm công bố, đồng thời gửi kết quả của sinh viên trước và sau điều chỉnh đến Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa.

5. Sau khi tiếp nhận phản hồi, đề nghị điều chỉnh, Phòng Công tác Sinh viên điều chỉnh, bổ sung kết quả rèn luyện theo quy định và trình Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường họp xét và thống nhất.

6. Phòng Công tác Sinh viên công bố kết quả rèn luyện chính thức qua hộp thư điện tử của sinh viên và cập nhật lên hồ sơ quản lý sinh viên, hệ thống theo dõi điểm rèn luyện sinh viên.

Điều 10. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Thành phần Hội đồng cấp Trường:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.

b) Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

c) Các uỷ viên: Đại diện Hội đồng đánh giá rèn luyện các Khoa, Lãnh đạo Phòng đào tạo, Thường trực Đoàn thanh niên và Thường trực Hội sinh viên trường.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Trường:

IA
SỞ
HỌC
A HO
HIỂN

a) Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

b) Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Khoa tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Thành phần Hội đồng cấp Khoa gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trường khoa uỷ quyền.

b) Các uỷ viên: Trợ lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, đại diện Ban chấp hành Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên cấp khoa và đại diện Ban cán sự các lớp.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Khoa:

a) Giúp Trường khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

b) Căn cứ vào quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các uỷ viên, Hội đồng cấp Khoa tiến hành họp thống nhất kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong Khoa và kiến nghị điều chỉnh điểm dự kiến nếu có, uỷ quyền cho người đại diện Hội đồng đề nghị Hội đồng cấp Trường điều chỉnh và công nhận trong phiên họp Hội đồng cấp Trường.

Điều 11. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường, được sử dụng trong công tác đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục; được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng – kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng kiểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

3. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng và đề nghị tặng Bằng khen Giám đốc ĐHQG-HCM theo quy định tại Quy chế Thi đua, khen thưởng và Kỷ luật học sinh, sinh viên ĐHQG-HCM.

4. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ chính liên tiếp lần thứ nhất thì xem xét kỷ luật ở mức độ cảnh cáo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu hai học kỳ chính liên tiếp lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học.

Điều 12. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện. Việc khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại và quy trình khiếu nại được ban hành của Trường.

Trường hợp khiếu nại điểm rèn luyện năm hoặc hoặc toàn khóa do có sai sót trong quá trình cập nhật điểm rèn luyện từng học kỳ khác so với điểm đã công bố chính thức, sinh viên phản hồi trực tiếp hoặc qua hộp thư điện tử Phòng Công tác Sinh viên để kiểm tra và điều chỉnh.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện, quy chế có thể được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ theo tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật có liên quan.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Cao Vinh



PHỤ LỤC

Khung điểm chi tiết của các nội dung đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-KHTN ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

	Nội dung	Mức điểm
1. Tham gia học tập và nghiên cứu khoa học (cộng tối đa 30 điểm)		
<i>Tiêu chí 1: Chấp hành các Quy chế, Quy định liên quan học vụ và khảo thí</i>		
1.1.	Không vi phạm Quy chế học vụ, Quy định khảo thí	+ 10 điểm
<i>Tiêu chí 2: Có kết quả học tập tốt và sự tiến bộ của mỗi học kỳ</i>		
1.2.	Điểm trung bình tích lũy trong học kỳ:	
	- Từ 5,0 đến dưới 6,5	+ 5 điểm
	- Từ 6,5 đến dưới 8,0	+7 điểm
	- Từ 8,0 đến dưới 9,0	+ 10 điểm
	- Từ 9,0 đến 10 điểm	+ 15 điểm
1.3.	Giữ xếp loại Xuất sắc so với học kỳ trước đó	+ 5 điểm
1.4.	Tăng điểm trung bình tích lũy so với học kỳ trước đó:	
	- Từ 0,1 đến dưới 0,2	+ 2 điểm
	- Từ 0,2 đến dưới 0,4	+ 4 điểm
	- Từ 0,4 đến dưới 0,6	+ 6 điểm
	- Từ 0,6 đến dưới 0,8	+ 8 điểm
	- Từ 0,8 trở lên	+ 10 điểm
<i>Tiêu chí 3: Sự chủ động tham gia nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật ngoại khóa</i>		
1.5.	Là tác giả của đề tài nghiên cứu khoa học (khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp, tham gia Chương trình, Cuộc thi nghiên cứu khoa học từ cấp Khoa trở lên)	+ 15 điểm/đề tài
1.6.	Tham gia cuộc thi học thuật từ cấp khoa trở lên (hoàn tất vòng đầu tiên của cuộc thi)	+ 5 điểm/cuộc thi
1.7.	Là thành viên trong Ban tổ chức (có xác nhận của Thường trực Ban tổ chức) của một cuộc thi học thuật từ cấp khoa trở lên:	
	- Ban tổ chức	+ 10 điểm/hoạt động
	- Cộng tác viên	+ 5 điểm/hoạt động
1.8.	Sinh viên tham gia sinh hoạt thường xuyên tại các câu lạc bộ học thuật, các phòng thí nghiệm, thư viện (ít nhất sinh hoạt 3 lần/tháng, có xác nhận của các đơn vị)	+ 5 điểm/học kỳ



1.9.	Tham gia hoặc tổ chức các buổi sinh hoạt, hội thảo chuyên đề học thuật, kỹ năng, nghiên cứu khoa học, tư vấn hướng nghiệp	+ 5 điểm/hoạt động
2. Chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định được áp dụng trong Nhà trường (cộng tối đa 20 điểm)		
<i>Tiêu chí 4: Chấp hành nội quy, quy chế và các quy định được áp dụng trong Nhà trường</i>		
2.1.	Không vi phạm nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường (không bao gồm các nội dung tại mục 1.1)	+ 15 điểm
2.2.	Tham gia đánh giá trên 50% số môn đã đăng ký trong học kỳ được đánh giá (đối với tất cả các sinh viên) và đánh giá khóa học (đối với sinh viên năm cuối)	+ 5 điểm
3. Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (cộng tối đa 25 điểm)		
<i>Tiêu chí 5: Chủ động tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao</i>		
<i>Tiêu chí 6: Tham gia phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong nhà trường và nơi lưu trú</i>		
3.1.	Tham gia cuộc thi về khoa học chính trị, khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao (hoàn tất vòng đầu tiên của cuộc thi):	
	- Cấp trường trở lên	+ 10 điểm/cuộc thi
	- Cấp khoa	+ 5 điểm/cuộc thi
3.2.	Nhận được giấy chứng nhận danh hiệu về sức khỏe thể chất trong các ngày hội thể dục thể thao (các giải chạy bộ, thử thách sức khỏe, danh hiệu Thanh niên khỏe,...)	+ 5 điểm
3.3.	Tham gia các đợt huy động lực lượng cấp Trường, cấp Khoa	+ 5 điểm/hoạt động
3.4.	Là thành viên tích cực và sinh hoạt thường xuyên của một Câu lạc bộ sở thích cấp khoa trở lên; thành viên đội, nhóm được phân công chức năng tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, nâng cao ý thức chấp hành các nội quy, quy chế trong nhà trường (có xác nhận của cấp quản lý Câu lạc bộ, đội, nhóm)	+ 5 điểm
3.5.	Tham gia các hoạt động cấp lớp (có xác nhận của Ban cán sự lớp hoặc Ban chấp hành Chi đoàn, Chi hội)	+ 5 điểm/hoạt động
3.6.	Là thành viên đội tuyển cấp trường hoặc cấp cao hơn của một cuộc thi/chương trình bất kỳ có quy mô tham dự từ 4 đội tuyển trở lên	+ 15 điểm
3.7.	Không có hành vi vi phạm hoặc che giấu các tệ nạn xã hội	+ 10 điểm

<i>Tiêu chí 7: Chủ động tham gia xây dựng, đóng góp, quảng bá hình ảnh của Nhà trường và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh</i>		
3.8.	Tham gia các đợt hoạt động tư vấn tuyển sinh, hội thảo việc làm từ cấp khoa trở lên	+ 5 điểm/ đợt hoạt động
3.9.	Tham gia các cuộc thi, chương trình tìm hiểu về lịch sử phát triển Nhà trường, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	+ 5 điểm/hoạt động
3.10.	Tham gia đóng góp cho các đợt lấy ý kiến về văn bản quy phạm pháp luật các cấp, các văn bản nội bộ, các chương trình đối thoại với lãnh đạo nhằm xây dựng, phát triển Nhà trường và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	+ 5 điểm/đợt
3.11.	Là tác giả, đồng tác giả của sản phẩm/dự án truyền thông nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh về Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hay Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, được đăng tải, chia sẻ trên các kênh thông tin chính thống của Nhà trường	+ 15 điểm/dự án
3.12.	Được Nhà trường hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tuyển chọn là đại biểu chính thức tham gia các chương trình giao lưu, trao đổi văn hóa, học thuật trong khu vực và quốc tế	+ 15 điểm/hoạt động
3.13.	Là đại biểu tham gia các chương trình giao lưu, trao đổi văn hóa, học thuật, hội thảo khoa học mang tính quốc tế do cá nhân tự ứng tuyển	+ 10 điểm/hoạt động
3.14.	Là thành viên trong Ban tổ chức (có xác nhận của Thường trực Ban tổ chức) của các hoạt động nêu ở toàn bộ các mục từ 3.1 đến 3.13:	
	+ Ban tổ chức hoạt động cấp trường trở lên	+ 10 điểm/hoạt động
	+ Cộng tác viên hoạt động cấp trường trở lên	+ 5 điểm/hoạt động
	+ Ban tổ chức hoạt động cấp lớp, khoa	+ 5 điểm/hoạt động
	+ Cộng tác viên hoạt động cấp khoa	+ 3 điểm/hoạt động
4. Hành động hướng đến xây dựng và phát triển cộng đồng (cộng tối đa 25 điểm)		
<i>Tiêu chí 8: Chấp hành pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật</i>		
4.1.	Không vi phạm pháp luật	+ 10 điểm
<i>Tiêu chí 9: Sự chủ động tham gia các hoạt động tình nguyện, hành động giải quyết vấn đề xã hội, các hoạt động chung của lớp, khoa và Nhà trường.</i>		
4.2.	Tham gia hiến máu tình nguyện (có giấy chứng nhận)	+ 10 điểm
4.3.	Là tình nguyện viên của các hoạt động, chương trình tình nguyện vì cộng đồng từ cấp lớp trở lên (đối với trong Nhà trường) hoặc tổ chức bởi đơn vị có tư cách pháp nhân và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, có thời gian lao động (là thời gian thực tế làm việc với cộng đồng thụ hưởng):	
	+ Dưới 24 giờ (ngắn hạn)	+ 5 điểm/hoạt động
	+ Từ 24 giờ đến dưới 01 tuần (trung hạn)	+ 10 điểm/hoạt động
	+ Từ 01 tuần trở lên (dài hạn)	+ 15 điểm/hoạt động

4.4.	Là thành viên Ban tổ chức của các hoạt động tình nguyện:	
	+ Ban tổ chức hoạt động cấp trường trở lên	+ 10 điểm/hoạt động
	+ Cộng tác viên hoạt động cấp trường trở lên	+ 5 điểm/hoạt động
	+ Ban tổ chức hoạt động cấp lớp, khoa	+ 5 điểm/hoạt động
	+ Cộng tác viên hoạt động cấp khoa	+ 3 điểm/hoạt động
4.5.	Tham gia các hoạt động quyên góp do các tổ chức, đơn vị trong Nhà trường phát động	+ 3 điểm/đợt
<i>Tiêu chí 10: Tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng</i>		
4.6.	Tham gia các cuộc thi, chương trình tuyên truyền về Hiến pháp và các văn bản luật, đẩy lùi tệ nạn, phòng chống dịch bệnh các cấp hoặc do chính quyền, đoàn thể nơi cư trú phát động và tổ chức	+ 10 điểm/hoạt động
4.7.	Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đối với vai trò là thành viên Ban cán sự lớp trong năm học	+ 10 điểm tại học kỳ đánh giá
4.8.	Được đánh giá phân loại một trong 2 danh hiệu sau: Đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	+ 10 điểm tại học kỳ đánh giá
5. Các nội dung khuyến khích cộng thêm (cộng tối đa 30 điểm)		
<i>Tiêu chí 11: Thành tích xuất sắc trong các kỳ thi, cuộc thi, học tập và rèn luyện.</i>		
5.1.	Có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện và nhận được các hình thức khen thưởng: (chỉ tính một hình thức khen thưởng cao nhất với một nội dung khen thưởng)	
	- Huy chương vàng, bạc, đồng các kỳ thi Olympic, kỳ thi học thuật, nghiên cứu cấp quốc tế	+ 20 điểm/lần
	- Huy chương vàng, bạc, đồng các kỳ thi Olympic, kỳ thi học thuật, nghiên cứu cấp quốc gia	+ 15 điểm/lần
	- Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	+ 15 điểm/lần
	- Bằng khen của các tổ chức đoàn thể	+ 10 điểm/lần
	- Giấy khen của Hiệu trưởng Nhà trường	+ 10 điểm/lần
	- Giấy khen của các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương từ cấp xã trở lên	+ 5 điểm/lần
5.2.	Đạt một trong các giải thưởng trong các cuộc thi, sân chơi từ cấp khoa trở lên: (chỉ tính giải thưởng cao nhất và không áp dụng các trường hợp tại mục 5.1)	
	- Giải Vô địch, Giải Đặc biệt và Giải Nhất	+ 5 điểm/lần
	- Giải Nhì, Ba, Khuyến khích và các Giải phụ (nếu có)	+ 3 điểm/lần
5.3.	Là thành viên đội tuyển tham dự kỳ thi Olympic / kỳ thi học thuật cấp thành trở lên; Là thành viên của nhóm hoặc cá nhân đạt giải thưởng học thuật, sản phẩm nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng, khởi nghiệp từ cấp thành trở lên.	+ 15 điểm

5.4.	Là tác giả/đồng tác giả của bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế uy tín	+ 25 điểm/bài tại học kỳ được đăng bài
5.5.	Là tác giả/đồng tác giả của bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước có uy tín hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia	+ 15 điểm/bài tại học kỳ được đăng bài
5.6.	Đạt được các giải thưởng do các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, tổ chức đa quốc gia (được cấp phép hoạt động tại Việt Nam) trao tặng	+ 10 điểm/giải thưởng
<i>Tiêu chí 12: Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống</i>		
5.7.	Nhận được học bổng do các tổ chức có tư cách pháp nhân trao tặng vì tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống hoặc các trường hợp không được học bổng nhưng được Hội đồng cấp Khoa thống nhất đề xuất	+ 10 điểm/học kỳ được trao tặng học bổng
<i>Tiêu chí 13: Các trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt</i>		
5.8.	- Mồ côi cả cha lẫn mẹ	+ 20 điểm/học kỳ
5.9.	- Sinh viên khuyết tật, khó khăn trong đi lại và sinh hoạt	+ 10 điểm/học kỳ
5.10.	- Hộ nghèo, Hộ cận nghèo được hưởng chính sách theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo	+ 10 điểm/học kỳ
5.11.	- Được miễn giảm học phí (không bao gồm trường hợp tại 03 nội dung trên)	+ 10 điểm/học kỳ
6. Điểm trừ (không giới hạn)		
6.1.	Không tham gia hoặc cung cấp thông tin không chính xác các khai báo, điều tra xã hội do Nhà trường yêu cầu	- 5 điểm/đợt
6.2.	Không thực hiện khai báo, xác nhận ngoại trú theo quy định	- 15 điểm/học kỳ
6.3.	Không hoàn thành nhiệm vụ trong vai trò là Ban cán sự lớp, cán bộ Đoàn thanh niên – Hội Sinh viên các cấp	- 5 điểm/lần
Không tham gia đầy đủ tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học và cuối khóa:		
6.4.	- Không tham gia đủ nội dung theo yêu cầu	- 20 điểm/đợt
	- Tham gia đầy đủ nhưng không làm bài thu hoạch / làm bài thu hoạch không đạt	- 10 điểm/đợt
6.5.	Bị kỷ luật ở mức Khiển trách	- 10 điểm trong học kỳ nhận Quyết định kỷ luật
6.6.	Bị kỷ luật ở mức Cảnh cáo	- 20 điểm trong học kỳ nhận Quyết định kỷ luật



